ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TIỀN GIANG
Mã QHNS: 1012141

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN THU - CHI CÁC NGUỒN KINH PHÍ TẠI ĐƠN VỊ
Tháng 04 năm 2026

1. DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO

Mã nguồn NSNN	Kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán giao bổ sung	Dự toán được điều chỉnh trong năm	Tổng dự toán giao năm 2026	Dự toán đã sử dụng		Dự toán còn lại
						Tháng 04/2026	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
12	0	29.483.408.000	0	0	29.483.408.000	2.178.435.473	7.589.500.703	21.893.907.297
13	1.932.114.169	0	0	-84.593.200	1.847.520.969	0	0	1.847.520.969
18		712.800.000		0	712.800.000		0	712.800.000
Cộng	**1.932.114.169**	**30.196.208.000**	**0**	**-84.593.200**	**32.043.728.969**	**2.178.435.473**	**7.589.500.703**	**24.454.228.266**

2. TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC: 3713.0.1012141

STT	CÁC LOẠI TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
2.1	+ Quỹ Khen thưởng (94005)	165.506	-		165.506	
2.2	+ Quỹ Phúc lợi (94006)	487.210	-	-	487.210	
2.3	+ Quỹ bổ sung thu nhập (94007)	120.041.475	-	-	120.041.475	
2.4	+ Quỹ PTHĐSNo (94001)	127.761.363			127.761.363	
Tổng cộng		**248.455.554**	-	-	**248.455.554**	

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG
Tài khoản: 7100525784 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Tiền Giang (BIDV).

STT	TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh có (thu)	Phát sinh nợ (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
3.1	Tiền gửi từ thiện : 7100.525.784	500.000.000	-	-	500.000.000	
3.2	Tiền gửi từ thiện (không kỳ hạn):	294.870.812	25.047.211	75.000.000	244.918.023	Phát sinh tăng: +Tiền lãi:47.211đ +Cục NCC chuyển vào tk: 25trđ Phát sinh giảm: + Rút TGNH nhập quỹ TM: 50tr + Rút tiền chi cho đối tượng NCC: 25tr
Tổng cộng		**794.870.812**	**25.047.211**	**75.000.000**	**744.918.023**	

4. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến 30/04/2026)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
4.1	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	1.142.400	40.490.824	40.110.024	1.523.200	
4.2	TM-1111.3: Tiền từ thiện đối tượng	48.948.518	71.514.000	115.135.780	5.326.738	+ thu: từ thiện hỗ trợ, thu tạm ứng, nhập quỹ TM: 50tr + chi: tạm ứng tiền học,tiền nằm viện,...
4.3	TM-1111.4: Tiền mặt tiền gửi (tiền gửi kho bạc	-	-	-	-	
4.4	TM111.5: Dịch vụ	5.452.600	-	-	5.452.600	
4.5	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	5.179.500	4.800.000	4.808.250	5.171.250	
4.6	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	87.086.000	32.424.000	2.300.000	117.210.000	thu tiền giữ hộ NCC
Tổng cộng		**147.809.018**	**149.228.824**	**162.354.054**	**134.683.788**	

5. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến hết ngày 20/05/2026)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến ngày công khai	Ghi chú
5.1	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	1.523.200	85.471.665	85.281.265	1.713.600	
5.2	TM-1111.3: Tiền từ thiện đối tượng	5.326.738	90.307.500	55.397.700	40.236.538	Thu hoàn ứng đối tượng nằm viện Chi tạm ứng ĐT Thông, Tấm (ko BHYT)
5.3	TM-1111.4: Tiền gửi KB: rút TM về chi (PL)	-	-	-	-	
5.4	TM111.5: Dịch vụ	5.452.600	-	-	5.452.600	
5.5	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	5.171.250	2.400.000	-	7.571.250	
5.6	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	117.210.000	5.310.000	1.000.000	121.520.000	
Tổng cộng		**134.683.788**	**183.489.165**	**141.678.965**	**176.493.988**	

Ngày 21 tháng 05 năm 2026

Người báo cáo

Đặng Thị Mỹ Oanh

Thủ trưởng đơn vị

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TIỀN GIANG

Nguyễn Hoàng Sĩ